

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập0 - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HSST

Ngày 15/4/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kiên Cường
2. Ông Ma Ngọc Vũ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2025/TLST - HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/10/1996 tại H1; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện Đ1, thành phố H1; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 và bà: Đặng Thị T, sinh năm 1979; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; con: Có 01 con sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 17/12/2024 đến ngày 26/12/2024 thì được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn C, xã Đ, huyện Đ1, thành phố H1. Có mặt.

Người bị hại: Chị Hà Bích D; Sinh năm 1989

Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 17, phường N, thành phố B1, tỉnh B2. Có đơn xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1996; nơi thường trú: Thôn S, phường T, thị xã

K, tỉnh H1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian cuối tháng 10/2024, Nguyễn Văn L, sinh ngày 08/10/1996, nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ1, thành phố H1; nơi ở: Số nhà 8, ngõ 71, T, phường S2, thị xã K, tỉnh H1 có mua sim số 0936542143 tại cửa hàng điện thoại gần nơi ở tại thị xã K, tỉnh H1 và đăng ký thông tin thuê bao chính chủ của L. Sau đó L dùng sim này để đăng ký Zalo có tên “**Minh Lĩnh**” để sử dụng vào mục đích cá nhân, sau khi đăng ký Zalo thì L đã vứt luôn sim số 0936542143 đi. Bản thân L có sử dụng Zalo có tên “Minh Lĩnh” để tham gia nhóm Zalo có tên “Trao đổi Wifi, chỉ tiêu VNPT các tỉnh”. Sau khi tham gia vào nhóm Zalo này thì L đã tự soạn nội dung và đăng tin quảng cáo về việc nạp sim vinaphone với chiết khấu cao, với nội dung cụ thể: “*Nhận đơn vina ck 12-13% xong chậm; Lẻ ck 10-11%; LH: 0936542143*”.

Sau khi đăng bài trong nhóm Zalo có nội dung như trên, đến ngày 01/11/2024 có tài khoản Zalo “Hà Bích D” là tài khoản Zalo của chị Hà Bích D, sinh năm 1989, trú tại tổ 17, phường N, thành phố B1, tỉnh B2 đã nhắn tin trao đổi với L và đề nghị giao dịch nạp tiền cho sim của mạng vinaphone. Sau khi trao đổi, L và chị D đã thống nhất nạp 05 (năm) số sim mạng vinaphone do chị D cung cấp, mỗi sim là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) với mức chiết khấu là 13% (*mười ba phần trăm*), tổng số tiền chị D phải trả cho L là 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên do được trừ chiết khấu 13% nên L đã yêu cầu chị D phải chuyển khoản số tiền là 6.525.000đ (*sáu triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng*) cho L trước vào số tài khoản 319961008 mở tại Ngân hàng VIB mang tên NGUYEN VAN L do L cung cấp. Trong quá trình trao đổi, thỏa thuận với chị D thì L không cung cấp thông tin cụ thể về nhân thân như họ tên, địa chỉ, số điện thoại của L cho chị D biết mà chỉ cung cấp số tài khoản để chị D chuyển tiền nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền của chị D chuyển vào tài khoản của L. L không có khả năng nạp tiền điện thoại với chiết khấu cao là 13% và cũng chưa từng nạp thẻ điện thoại có chiết khấu cho ai nhưng lại đưa ra thông tin gian dối để chị D tin tưởng và chuyển tiền. Do tin tưởng L nên ngày 02/11/2024 chị D đã chuyển khoản số tiền 6.525.000đ (*sáu triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng*) từ số tài khoản 3950149433 mở tại Ngân hàng BIDV mang tên HA BICH D đến số tài khoản 319961008 mở tại Ngân hàng VIB mang tên NGUYEN VAN L.

Sau khi nhận được số tiền 6.525.000đ (*sáu triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng*) từ chị D, L đã không thực hiện việc nạp tiền vào các số sim điện thoại như chị D đã cung cấp mà L đã sử dụng hết số tiền trên vào việc tiêu sài cá nhân. Do không thấy L nạp tiền cho các số sim điện thoại theo yêu cầu, chị D đã nhắn tin qua Zalo yêu cầu L thực hiện việc nạp tiền cho các số sim điện thoại như đã trao đổi, thống nhất từ trước, tuy nhiên L đã đưa ra lý do là lỗi hệ thống chưa thực hiện được. Đến ngày 08/11/2024 thì L đã tiêu hết số tiền của chị D chuyển và chị D vẫn

nhắn tin qua Zalo để đòi L trả lại số tiền đã chuyển. Ngày 10/11/2024 L đã xóa tài khoản Zalo có tên “Minh Lĩnh” để chị D không liên lạc được với L nữa.

Ngày 15/12/2024, chị Hà Bích D đã đến phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao Công an tỉnh Bắc Kạn trình báo về sự việc trên, căn cứ kết quả xác minh, phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao đã làm rõ Nguyễn Văn L là người sử dụng tài khoản Zalo có tên “Minh Lĩnh” để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị D và triệu tập Nguyễn Văn L để làm việc và sau đó chuyển vụ việc trên đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max màu tím, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình có kẻ sọc màu xanh, mặt sau máy bị rạn, vỡ; số IMEI: 356684167712109, IMEI2: 356684167935718; bên trong máy có gắn thẻ sim số 0911450996. Đây là điện thoại di động do Nguyễn Văn L sử dụng liên lạc hàng ngày, L đã sử dụng chiếc điện thoại trên để đăng ký tài khoản Zalo “Minh Lĩnh” và trao đổi, giao dịch với chị D để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị D.

Chiếc điện thoại trên, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng thuộc Công an tỉnh Bắc Kạn để bảo quản theo quy định.

+ Đối với sim số 0936542143 Nguyễn Văn L mua tại cửa hàng điện thoại gần nơi ở tại thị xã K, tỉnh H1 và đăng ký thông tin thuê bao chính chủ của L. Sau đó L dùng sim này để đăng ký Zalo “Minh Lĩnh” để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với chị Hà Bích D. Quá trình điều tra xác định sau khi đăng ký Zalo thì L đã vứt luôn sim số này đi, bản thân L cũng không nhớ đã vứt ở đâu, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Văn L đã tác động gia đình bồi thường số tiền **6.525.000đ** (sáu triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng) cho chị Hà Bích D. Chị D không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 27/CT – VKSTPBK ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố đối với Nguyễn Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn trong phần luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt đối với bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max màu tím, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình có kẻ sọc màu xanh, mặt sau máy bị rạn, vỡ; số IMEI: 356684167712109, IMEI2: 356684167935718. Đề nghị tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước. 01 thẻ sim số 0911450996 không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét

- Về án án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến gì với quyết định truy tố và không có tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát.

* Người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Kiểm sát viên, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, vai trò, tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn L do ham chơi, đua đòi, lười lao động. Để có tiền tiêu sài nên đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối để chị Hà Bích D tin tưởng L có thể nạp tiền điện thoại sim mạng vinaphone với mức chiết khấu cao nhất 13%, trong khi thực tế L không có khả năng nạp tiền điện thoại với mức chiết khấu 13% và L cũng chưa từng nạp tiền điện thoại cho ai như vậy. Do tưởng thật nên chị Hà Bích D đã chuyển khoản cho L số tiền **6.525.000đ** (*sáu triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng*).

Xét tính chất hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, làm gia tăng tình hình tội phạm trên địa bàn. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trong khi bị cáo có đầy đủ năng lực về trách nhiệm hình sự. Vì vậy cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn L sinh ra và lớn lên tại H1, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học, lớn lên lao động tự do, chưa có lần nào vi phạm pháp luật. Trong các ngày 01 và 02/11/2024 có hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Hà Bích D. Ngày 26/12/2024, bị khởi tố bị can. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 17/12/2024 đến ngày 26/12/2024 thì được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có nhân thân tốt.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.*

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra bị cáo còn được người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn đảm bảo cải tạo được bị cáo, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo, cho bị cáo được giáo dục, thử thách tại địa phương để bị cáo có điều kiện cải tạo, sửa chữa lỗi lầm là phù hợp và đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy bản cáo trạng số 27/CT-VKSTPBK ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại

khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, về điều luật áp dụng, về hình phạt, án phí và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được xem xét chấp nhận.

[7] Về vật chứng:

01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max màu tím, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình có kẻ sọc màu xanh, mặt sau máy bị rạn, vỡ; số IMEI: 356684167712109, IMEI2: 356684167935718. Đây là điện thoại di động do Nguyễn Văn L sử dụng liên lạc hàng ngày, L đã sử dụng chiếc điện thoại trên để đăng ký tài khoản Zalo “*Minh Lĩnh*” và trao đổi, giao dịch với chị D để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị D. Do đó cần tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước. Đối với 01 thẻ sim số 0911450996 là của bị cáo, bị cáo không có yêu cầu lấy lại, xét thấy không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét bởi.

- Người bị hại là chị Hà Bích D, trong giai đoạn điều tra đã được bị cáo cáo bồi thường xong, hiện nay chị D không yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị H là vợ của bị cáo đã bỏ tiền ra để bồi thường cho bị hại, nay chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* *Tuyên bố* : Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

* *Điều luật áp dụng và hình phạt*:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15/4/2025). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, thành phố H1 giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Không xem xét

* *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max màu tím, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình có kẻ sọc màu xanh, mặt sau máy bị rạn, vỡ; số IMEI: 356684167712109, IMEI2: 356684167935718.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 0911450996.

(Số lượng, khối lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn).

* *Về án phí*: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP Bắc Kạn ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS ;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNV liên quan.
- UBND xã Đ, huyện Đ1, thành phố H1.
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tiến Đại

